TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-5-2025
"V/v Ly hôn giữa chị N và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Duyên và ông Hà Minh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Võ Yến N**, sinh năm 2000

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn T**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Võ Yến N trình bày như sau:

Chị Nvà anh T sau thời gian quen biết khoảng một nửa năm thì quyết định đi đến hôn nhân. Anh chị được gia đình tổ chức làm đám nói rồi về chung sống với nhau và thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 05/5/2023.

Trong thời gian chung sống thì vợ chồng không tìm được sự hoà hợp, anh T không lo làm ăn có tính ham chơi, mê chơi game khi vợ khuyên nhủ thì không nghe. Hơn nữa khi về làm dâu thì tính tình của mẹ chồng khó khăn con dâu làm gì cũng không vừa ý, chồng thì nghe theo lời cha mẹ không bảo vệ cho vợ do đó chị N rất khó khăn khi sống ở nhà chồng. Vợ chồng cùng nhau đi làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh, khi xảy ra mâu thuẫn anh T bỏ về nhà cha mẹ và cắt mọi nguồn liên lạc với vợ và vợ chồng đã ly thân đến nay đã hơn một năm. Chị N nhận thấy vợ chồng không thể duy trì cuộc sống hôn nhân nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Ni xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị N xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - anh Nguyễn Văn T vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Yến N.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Trích lục kết hôn (bản sao), giấy căn cước công dân (Bản công chứng), xác nhận cư trú của bị đơn. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn với anh T; về con chung không có nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Quan hệ pháp luật: Chị N khởi kiện yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh T do đó quan hện pháp luật được xác định là Ly hôn.

Sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Anh Toàn đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó xác định hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị N xác định đời sống hôn nhân của chị N và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hoà hợp, anh T không chí thú làm ăn, ham chơi, mê game, tham gia cờ bạc, gia đình nhà chồng khó khăn với con dâu nên cuộc sống hôn nhân của chị N và anh T không có hạnh phúc. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh T bỏ về nhà cha mẹ ruột và chặn mọi nguồn liên lạc với vợ từ tháng 4 năm 2024 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Toà án mở phiên hoà giải đoàn tụ nhưng các đương sự không thể hiện thiện chí muốn hàn gắn hôn nhân. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị N giải quyết cho chị N ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T chung sống chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị N xác định không có nợ chung, không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị N là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Yến N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Yến N và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Võ Yến N và anh Nguyễn Văn T không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Võ Yến N và anh Nguyễn Văn T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Võ Yến N xác định không có nợ chung và không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Võ Yến N có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm

ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003617 ngày 16/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Võ Yến N đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 16/5/2025, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Yên ;
- Lưu, HS, VP.